



Đánh giá HTML ngữ nghĩa

Tầm quan trọng của HTML ngữ nghĩa

- **Phân cấp cấu trúc cho các thành phần tiêu đề** : Điều quan trọng là sử dụng đúng thành phần tiêu đề để duy trì phân cấp cấu trúc của nội dung. Thành `h1` phần là cấp tiêu đề cao nhất và `h6` thành phần là cấp tiêu đề thấp nhất.
- **Các phần tử HTML trình bày** : Các phần tử xác định giao diện của nội dung. Ví dụ: các phần tử `center`, `big` và đã lỗi thời `font`.
- **Các phần tử HTML ngữ nghĩa** : Các phần tử chứa ý nghĩa và cấu trúc. Ví dụ: `header`, `nav`, `figure`.

Các phần tử HTML ngữ nghĩa

- **Phần tử tiêu đề** : được sử dụng để xác định tiêu đề của tài liệu hoặc phần.
- **Phần tử chính** : dùng để chứa nội dung chính của trang web.
- **Phần tử phần** : được sử dụng để chia nội dung thành các phần nhỏ hơn.
- **Phần tử Phân điều hướng** (`nav`) : biểu thị một phần có các liên kết điều hướng.
- **Phần tử hình ảnh** : dùng để chứa hình ảnh minh họa và sơ đồ.
- **Phần tử Emphasis** (`em`) : đánh dấu văn bản có trọng âm nhấn mạnh.

▼ Mã ví dụ

```
<p>  
Never give up on <em>your</em> dreams.  
</p>
```

- **Phần tử Văn bản thành ngữ** (`i`) : được sử dụng để làm nổi bật giọng nói hoặc tâm trạng thay thế, thuật ngữ thành ngữ từ ngôn ngữ khác, thuật ngữ kỹ thuật và suy nghĩ.

▼ Mã ví dụ

```
<p>  
There is a certain <i lang="fr">je ne sais quoi</i> in the air.  
</p>
```

Thuộc `lang` tính bên trong thẻ mở `i` được sử dụng để chỉ định ngôn ngữ của nội dung. Trong trường hợp này, ngôn ngữ sẽ là tiếng Pháp. Phần `i` tử không chỉ ra văn bản có quan trọng hay không, nó chỉ cho thấy rằng nó khác với văn bản xung quanh ở một khía cạnh nào đó.

- **Phần tử có mức độ quan trọng cao** (`strong`) : đánh dấu văn bản có mức độ quan trọng cao.

▼ Mã ví dụ

```
<p>  
<strong>Warning:</strong> This product may cause allergic reactions.  
</p>
```

- **Yếu tố Bring Attention To** (`b`) : được sử dụng để thu hút sự chú ý đến văn bản không quan trọng đối với ý nghĩa của nội dung. Thường được sử dụng để làm nổi bật các từ khóa trong phần tóm tắt hoặc tên sản phẩm trong bài đánh giá.

▼ Mã ví dụ

```
<p>  
We tested several products, including the <b>SuperSound 3000</b> for audio quality, the <b>QuickCharge Pro<  
</p>
```



- **Phần tử mô tả thuật ngữ (`dt`)**: được sử dụng để điều chỉnh thuật ngữ đang được định nghĩa.
- **Phần tử Chi tiết mô tả (`dd`)**: được sử dụng để thể hiện mô tả của thuật ngữ.

▼ Mã ví dụ

```
<dl>
  <dt>HTML</dt>
  <dd>HyperText Markup Language</dd>
  <dt>CSS</dt>
  <dd>Cascading Style Sheets</dd>
</dl>
```

- **Phần tử Block Quotation (`blockquote`)**: dùng để biểu diễn một phần được trích dẫn từ một nguồn khác. Phần tử này có một `cite` thuộc tính. Giá trị của `cite` thuộc tính là URL của nguồn.

▼ Mã ví dụ

```
<blockquote cite="https://www.freecodecamp.org/news/learn-to-code-book/">
  "Can you imagine what it would be like to be a successful developer? To have built software systems that pe
</blockquote>
```

- **Phần tử trích dẫn (`cite`)**: được sử dụng để ghi rõ nguồn của tác phẩm được tham chiếu. Đánh dấu tiêu đề của tài liệu tham khảo.

▼ Mã ví dụ

```
<div>
  <blockquote cite="https://www.freecodecamp.org/news/learn-to-code-book/">
    "Can you imagine what it would be like to be a successful developer? To have built software systems that
  </blockquote>
  <p>
    -Quincy Larson, <cite>How to learn to Code and Get a Developer Job [Full Book].</cite>
  </p>
</div>
```

- **Phần tử trích dẫn nội tuyến (`q`)**: được sử dụng để biểu diễn một trích dẫn nội tuyến ngắn.

▼ Mã ví dụ

```
<p>
  As Quincy Larson said,
  <q cite="https://www.freecodecamp.org/news/learn-to-code-book/">
    Momentum is everything.
  </q>
</p>
```

- **Phần tử viết tắt (`abbr`)**: dùng để biểu diễn một từ viết tắt hoặc từ viết tắt. Để giúp người dùng hiểu từ viết tắt hoặc từ viết tắt là gì, bạn có thể hiển thị dạng đầy đủ của nó, một mô tả để đọc với con người, cùng với `title` thuộc tính.

▼ Mã ví dụ

```
<p>
  <abbr title="HyperText Markup Language">HTML</abbr> is the foundation of the web.
</p>
```

- **Phần tử Địa chỉ liên hệ (`address`)**: được sử dụng để biểu diễn thông tin liên hệ.



Ngày và thời gian sang định dạng có thể đọc được bằng máy.

▼ Mã ví dụ

```
<p>
  The reservations are for the <time datetime="20:00">20:00 </time>
</p>
```

- Thuộc tính Ngày (`datetime`) theo ISO 8601 : được sử dụng để biểu diễn ngày tháng và thời gian theo định dạng máy có thể đọc được. Định dạng chuẩn là `YYYY-MM-DDThh:mm:ss`, với chữ hoa `T` là dấu phân cách giữa ngày tháng và thời gian.
- Phân tử superscript (`sup`) : được sử dụng để biểu diễn văn bản superscript. Các trường hợp sử dụng phổ biến cho `sup` phân tử này bao gồm số mũ, chữ cái viết hoa và số thứ tự.

▼ Mã ví dụ

```
<p>
  2<sup>2</sup> (2 squared) is 4.
</p>
```

- Phân tử chỉ số dưới (`sub`) : được sử dụng để biểu diễn văn bản chỉ số dưới. Các trường hợp sử dụng phổ biến cho phân tử chỉ số dưới bao gồm công thức hóa học, chú thích và chỉ số dưới biến đổi.

▼ Mã ví dụ

```
<p>
  C0<sub>2</sub>
</p>
```

- Phân tử Inline Code (`code`) : được sử dụng để biểu diễn một đoạn mã máy tính.
- Phân tử Văn bản được định dạng sẵn (`pre`) : biểu diễn văn bản được định dạng sẵn

▼ Mã ví dụ

```
<pre>
  <code>
    body {
      color: red;
    }
  </code>
</pre>
```

- Phân tử chú thích không rõ ràng (`u`) : được sử dụng để biểu diễn một đoạn văn bản nội tuyến cần được hiển thị theo cách cho biết rằng đoạn văn bản này có chú thích không phải văn bản.

▼ Mã ví dụ

```
<p>
  You can use the unarticulated annotation element to highlight
  <u>inccccort</u> <u>spling</u> <u>issse</u>.
</p>
```

- Phân tử Ruby Annotation (`ruby`) : được sử dụng để chú thích văn bản với cách phát âm hoặc giải thích ý nghĩa. Một ví dụ sử dụng là cho kiểu chữ Đông Á.
- Phân tử ngoặc đơn dự phòng Ruby (`rp`) : được sử dụng như một giải pháp dự phòng cho các trình duyệt không hỗ trợ hiển thị chú thích Ruby.
- Phân tử Ruby text (`rt`) : dùng để chỉ văn bản cho chú thích ruby. Thường dùng để phát âm hoặc chi tiết bản dịch trong kiểu chữ Đông Á.



```
<ruby>
  明日 <rp>(</rp><rt>Ashita</rt><rp>)</rp>
</ruby>
```

- Phần tử gạch ngang (`s`): được sử dụng để thể hiện nội dung không còn chính xác hoặc không phù hợp.

▼ Mã ví dụ

```
<p>
  <s>Tomorrow's hike will be meeting at noon.</s>
</p>
<p>
  Due to unforeseen weather conditions, the hike has been cancelled.
</p>
```

Phản công

☐ Xem lại các chủ đề và khái niệm về HTML ngữ nghĩa.

Hãy hoàn thành bài tập

Nộp

Yêu cầu trợ giúp